

Bản án số: 94/2021/HS-ST

Ngày: 14-12-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Phán – Hiệu trưởng Trường THCS xã Hải Tây, huyện Hải Hậu.

Ông Đỗ Việt Hùng – Sỹ quan Công an nghỉ hưu trí tại xã Hải Phúc, huyện Hải Hậu;

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Lại Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 93/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Minh T, sinh năm 1949; nơi cư trú: Xóm 13, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đoàn, Đảng: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 16/8/2021); con ông Trần Văn T, sinh năm 1926 (đã chết) và bà Phạm Thị K, sinh năm 1927 (đã chết); anh chị em ruột có 10 người, bị cáo là thứ ba; có vợ là Trần Thị T, sinh năm 1966 và có 04 con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 11/7/2021 đến ngày 20/7/2021 chuyển tạm giam cho đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Nam Định. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Vũ Viết N – Luật sư Công ty Luật TNHH VT thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

- Bị hại: Cháu Đỗ Thị Huyền D, sinh ngày 14/11/2007; địa chỉ: Xóm 13, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1975 và chị Vũ Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm 13, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (là bố

mẹ đẻ cháu D). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Bùi Tố Q – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định. Có mặt

- Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1966; có mặt.
2. Chị Ninh Thị L, sinh năm 1974; có mặt.
3. Chị Trần Thị D, sinh năm 1989; có mặt.
4. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1978; vắng mặt.
5. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1958; vắng mặt.
6. Chị Vũ Thị N, sinh năm 1990; vắng mặt.
7. Ông Đỗ Xuân N, sinh năm 1969; có mặt.
8. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1941; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do công tác trong hội khuyến học của xóm 13, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định nên đầu năm 2021, Trần Minh T đến nhà cháu Đỗ Thị Huyền D, sinh ngày 14/11/2007 để phát thưởng khuyến học. Đầu tháng 6/2021, T biết hàng ngày bố mẹ cháu D đi làm từ sáng đến tối mới về, cháu D nghỉ hè thường xuyên ở nhà một mình nên đã nhiều lần thực hiện hành vi dâm ô đối với cháu D để thỏa mãn dục vọng. Cụ thể:

Vào một buổi sáng khoảng đầu tháng 6/2021, T đến nhà cháu D thì thấy cháu D mặc áo phong ngắn tay, quần vải, ngồi ghế gỗ loại ghế băng xem tivi ở phòng khách. T tiến đến ngồi bên trái cách cháu D 20cm, cháu D rót nước mời T uống. Quá trình uống nước, T vòng tay phải ôm cháu D, ép sát phần má trái, tai trái của cháu D vào phần đùi và bên ngoài bộ phận sinh dục của T khoảng 04 phút thì bỏ cháu D ra và đứng lên đi về. Trước khi về T cho D 100.000 đồng và dặn không được nói cho ai biết.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 06/7/2021, T điều khiển xe đạp mang theo 01 bao tải đựng “Trai” đến cho gia đình cháu D nhưng không có ai ở nhà nên T để ở cạnh cổng rồi đi về. Khi về đến khu vực cầu xóm 13, xã H, T dừng lại chờ cháu D. Khoảng 09 giờ cùng ngày, cháu D đi chợ về qua, T bảo cháu D về mang cát bao “Trai” vào nhà. Sau đó, T đi theo cháu D về nhà và mang bao tải đựng “Trai” vào sân giếng, đổ ra chậu và bảo cháu D ngồi nhặt. Cháu D ra sân giếng ngồi nhặt “Trai”, T rửa tay, tiến sát lại chỗ cháu D ngồi thì cháu D đứng dậy, quay lưng về phía T, T dùng hai tay ôm từ sau ra trước, sờ nắn bên ngoài áo phần ngực của cháu D khoảng 10 phút thì bỏ tay ra và đi về.

Khoảng 08 giờ ngày 07/7/2021, T tiếp tục đến nhà cháu D thì thấy cháu D đang ngồi trong bếp xem điện thoại. T đi vào bếp, kéo ghế ngồi cạnh cháu D và

hỏi “điện thoại ai mua cho đẹp thế?”, cháu D trả lời “bố mẹ cháu mua”, T hỏi tiếp “cháu có tiền đăng ký mạng chưa? nếu không có lúc nào ông cho”. Do phát hiện T đến nhà cháu D có dấu hiệu không bình thường nên chị Vũ Thị N ở cạnh nhà cháu D bảo mẹ đẻ là bà Vũ Thị N sang hỏi mượn chiếc nạo mướp để kiểm tra. Bà N đi đến cửa bếp nhìn thấy T nên hỏi “ông T à” thì T trả lời “vâng”. Sau khi bà N ra về, T tiến tới đối diện với D, dùng hai tay xoay người cháu D rồi đứng phía sau luồn hai tay ra phía trước xoa, bóp bên ngoài áo phần ngực cháu D. Tiếp đó, T vén áo ngoài cháu D lên, kéo áo ngực xuống rồi dùng hai tay sờ ngực của cháu D khoảng 05 phút thì bà N quay lại gọi cháu D trả chiếc nạo mướp nên T buông tay ra ngồi xuống ghế. Sau khi cất chiếc nạo mướp, cháu D quay lại chỗ T, T dùng tay ôm hông cháu D nói “đứng đây không ổn, lên phòng trên”, cháu D không nói gì và đi trước mở cửa vào phòng ngủ của bố mẹ, T vào sau và đóng cửa chốt then ngang, sau đó bảo cháu D cởi quần áo, cháu D tự tụt quần dài, quần lót xuống bàn chân, T tự cởi quần dài, quần đùi nhưng không cởi được. Lúc này cháu D nằm ngửa trên giường, T tiến đến nằm đè lên người cháu D, mặt chạm áo ngoài phần ngực, dương vật ở trong quần chạm vào âm đạo cháu D khoảng 02 phút thì nói nóng quá nên kéo quần lại, cháu D cũng ngồi dậy kéo mặc quần lại. Sau đó, T và D đi ra bếp rửa tay thì bà N tiếp tục sang hỏi D “con làm gì trong đây” thì D trả lời “con có làm gì đâu”. Nhìn thấy bà N nên T bảo cháu D “đưa bao đây ông mang về”, cháu D lấy chiếc bao đưa cho T mang về nhà. Khoảng 40 phút sau, T quay lại cho cháu D 150.000 đồng. Sau khi phát hiện sự việc, gia đình cháu D đã hỏi nhưng cháu D sợ không dám nói. Ngày 10/7/2021, chị Ninh Thị L là bác của cháu D đến gặp hỏi thì D đã kể lại sự việc xảy ra với Trần Minh T, chị L đã đặt máy ghi âm thu lại lời kể của cháu D. Lúc này, T đang làm ruộng thì ông Vũ Văn Lượng gặp T và nói “ở nhà cháu D, cháu D đang khóc, có liên quan đến ông”. Sợ bị phát hiện nên T đến nhà cháu D gặp chị L và cháu D. Trong lúc chị L ra ngoài nghe điện thoại, T có lời nói đe dọa, yêu cầu cháu D không được nói cho ai biết những việc đã xảy ra. Tuy nhiên, chị L đã ghi âm toàn bộ nội dung nói chuyện giữa T, cháu D và đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Ngày 11/7/2021, biết hành vi của mình đã bị phát hiện nên T đã đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra, gia đình bị cáo Trần Minh T và đại diện hợp pháp của cháu D đã tự thỏa thuận bồi thường tổn thất về tinh thần, sức khỏe cho cháu D là 50.000.000 đồng, tuy nhiên gia đình bị cáo mới đưa trước 20.000.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 16/TD ngày 16/7/2021 của trung T pháp y tỉnh Thái Bình kết luận: Trên toàn bộ bên ngoài cơ thể cháu D không phát hiện thấy dấu vết gì. Màng trinh hồng, không bầm tím, không tụ máu, đường kính lỗ màng trinh xấp xỉ 01cm, vị trí 10h, 11h gần hố niệu đạo có vết rách cũ, không chảy máu; trên phiến đồ dịch âm đạo không có tinh trùng và xác tinh trùng.

Tại bản kết luận giám định pháp y tình dục số 6138/C09-TT1 ngày 30/7/2021 của Viện khoa học Hình sự Bộ công an kết luận: Căn cứ kết quả khám giám định, khám chuyên khoa và các xét nghiệm xác định tại thời điểm giám định: Bộ phận sinh dục của Trần Minh T có hình thái và kích thước bình thường,

hormone sinh dục, hormone sinh trưởng trong giới hạn bình thường, dương vật không có đáp ứng cương cứng khi kích thích.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định trên.

Bản Cáo trạng số 92/CT-VKS-HH, ngày 11/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Trần Minh T về tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi” theo điểm b khoản 2 Điều 146 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Trần Minh T về tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 146; các điểm o, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Trần Minh T từ 18 đến 24 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo đã nghỉ hưu không giữ chức vụ gì tại địa phương nên không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại về việc bồi thường tổn thất về tinh thần cho bị hại 50.000.000 đồng, đã bồi thường 20.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp cho bị hại 30.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 áo phông, 01 quần dài và 01 quần đùi đã thu của bị cáo do không còn giá trị sử dụng.

Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm trình bày: Nhất trí quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đối với bị cáo Trần Minh T. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; khi sự việc bị phát hiện tự giác ra đầu thú; đã khai báo đầy đủ về hành vi của bản thân nhưng do hiểu biết pháp luật hạn chế mặc nên tại phiên tòa ban đầu còn chưa nhận tội nhưng sau khi được phân tích đã nhận thức được lỗi lầm của mình và đã nhận tội; bản thân bị cáo có nhiều năm công tác trong lực lượng vũ trang và có nhiều thành tích xuất sắc trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc được Nhà nước tặng thưởng các Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba và Huy chương kháng chiến hạng Nhất; khi phạm tội bị cáo đã trên 70 tuổi; được gia đình bồi thường một phần tổn thất tinh thần cho bị hại thay bị cáo; tại phiên tòa bị cáo đã xin lỗi gia đình bị hại và được người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên đề nghị cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm o, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và thấp hơn mức hình phạt đề nghị của Viện Kiểm sát để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Về dân sự, gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại 20.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đã đồng ý bồi thường tiếp 30.000.000 đồng cho bị hại theo yêu cầu của gia đình bị hại.

Bị cáo nhất trí quan điểm của người bào chữa, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận lỗi với gia đình bị hại, tỏ thái độ ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình do tuổi đã cao, sức khỏe yếu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Tại thời điểm bị cáo có hành vi dâm ô với bị hại thì cháu Đỗ Thị Huyền D dưới 16 tuổi, độ tuổi còn hạn chế về nhận thức nên hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất và tâm sinh lý của bị hại. Việc truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo liên tục thay đổi lời khai nhằm mục đích chối tội, chưa thực sự nhận lỗi nên đề nghị Hội đồng xét xử không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo cao hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường tổn thất tinh thần cho cháu Đỗ Thị Huyền D nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Người đại diện hợp pháp của bị hại thống nhất trình bày: Nhất trí với việc truy tố của Viện Kiểm sát đối với bị cáo Trần Minh T. Hành vi dâm ô của bị cáo đối với cháu D đã làm cho cháu bị tổn thương rất lớn đến tâm lý; ảnh hưởng đến việc học hành. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo đã chịu nhận lỗi, đã nói lời xin lỗi gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Trước đây gia đình có yêu cầu bị cáo bồi thường cho cháu D 50.000.000 đồng, gia đình bị cáo đã đưa trước 20.000.000 đồng, hẹn đưa tiếp 30.000.000 đồng sau khi Tòa xét xử nên yêu cầu bị cáo thực hiện đúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại cháu Đỗ Thị Huyền D và những người làm chứng chị Nguyễn Thị N, bà Vũ Thị N, chị Vũ Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng xét thấy việc vắng mặt của bị hại và những người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị hại và những người làm chứng trên.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, tuy lời khai ban đầu của bị cáo còn quanh co nhưng sau đó thừa nhận đã thực hiện hành vi đúng như cáo trạng truy tố, đã nhận lỗi với gia đình bị hại và xin được tha thứ. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và kết luận giám định pháp y về tình dục cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào

khoảng đầu tháng 06/2021 và các ngày 06, 07/07/2021 tại nhà ở của anh Đỗ Văn H ở xóm 13, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; bị cáo Trần Minh T đã 03 lần có hành vi ôm, sờ ngực và áp dương vật của mình vào bộ phận sinh dục của cháu Đỗ Thị Huyền D, sinh ngày 14/11/2007 là con gái của anh H nhằm thỏa mãn dục vọng nhưng không có ý định giao cấu hay quan hệ tình dục khác với cháu D. Bị cáo là người có thể chất và tinh thần bình thường, còn cháu D chưa đủ 16 tuổi nên hành vi của bị cáo Trần Minh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 146 của Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 146 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

“ 1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà có hành vi dâm ô đối với người dưới 16 tuổi không nhằm mục đích giao cấu hoặc không nhằm thực hiện các hành vi quan hệ tình dục khác, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

a) ...

b) Phạm tội 02 lần trở lên.”

[3] Hành vi Dâm ô của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về tình dục, nhân phẩm, danh dự và sức khỏe của cháu Đỗ Thị Huyền D khi còn trong độ tuổi trẻ em. Hành vi xâm hại tình dục trẻ em của bị cáo đã gây tổn hại đến sự phát triển tâm sinh lý, đạo đức, nhân cách và ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của bị hại cả hiện tại và sau này; ngoài ra cũng ảnh hưởng đến nếp sống văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc, gây bất bình trong dư luận nhân dân. Do đó để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm, nhất là tội phạm này cần phải xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng nào. Tuy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nhưng đã áp dụng là yếu tố định khung hình phạt nên không xác định là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có các tình tiết: Khi sự việc mới bị phát hiện bị cáo đã tự giác ra đầu thú; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, mặc dù có lúc bị cáo còn khai báo quanh co nhưng sau đó đã thừa nhận việc phạm tội, tỏ thái độ ăn năn hối cải về lỗi lầm đã gây ra; bị cáo là người có công với nước được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất và các Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba; khi phạm tội bị cáo đã trên 70 tuổi; được gia đình bồi thường một phần tổn thất tinh thần cho bị hại thay bị cáo; tại phiên tòa được người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên

bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm o, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, tiếp tục cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thái độ ăn năn hối lỗi nên cần cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 146 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Xét bị cáo đã nghỉ hưu trí, không giữ chức vụ gì tại địa phương cư trú nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại và bị cáo thỏa thuận bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tinh thần cho cháu Đỗ Thị Huyền D 50.000.000 đồng. Gia đình bị cáo đã bồi thường thay bị cáo trước xét xử 20.000.000 đồng nên bị cáo bồi thường tiếp cho bị hại 30.000.000 đồng. Xét thấy việc thỏa thuận bồi thường dân sự của các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định tại các Điều 584, 585 và 592 của Bộ luật Dân sự nên cần công nhận.

[8] Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 áo phông cộc tay không cổ màu trắng, 01 quần dài màu xám và 01 quần đùi màu đen đã qua sử dụng của Trần Minh T là quần áo bị cáo mặc khi phạm tội, do không còn giá trị sử dụng, tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu trả lại nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm do bị cáo là người cao tuổi nên được miễn nộp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 146; các điểm o, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trần Minh T phạm tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”.

Xử phạt Trần Minh T 20 (Hai mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11 tháng 07 năm 2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585 và 592 Bộ luật Dân sự;

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại bồi thường tổn thất về tinh thần cho cháu Đỗ Thị Huyền D 50.000.000 đồng, bị

cáo đã bồi thường 20.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp cho bị hại 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 áo phông cộc tay không cổ màu trắng, 01 quần dài màu xám và 01 quần đùi màu đen.

Vật chứng nêu trên được mô tả như Biên bản bàn giao nhận vật chứng ngày 13/12/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công an huyện H;
- UBND xã H;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên